TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-9-2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị L1, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú hiện nay: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn L2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thạch Thị L1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2011, chị L1 và anh Trần Văn L2 tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 11/6/2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân tự nguyện. Do vợ, chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, anh L2 có hành vi bạo lực gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị L1 và anh Trần Văn L2 không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay.

Chị L1 và anh L2 có 02 con chung tên Trần Ý G1, sinh ngày 11/01/2012 và Trần Kim G2, sinh ngày 21/3/2014. Hiện nay 02 cháu Trần Ý G1 và Trần Kim G2 đang sống chung với chị L1.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị L1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L2.

- Về con chung: Chị L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Ý G1, sinh ngày 11/01/2012 và Trần Kim G2, sinh ngày 21/3/2014 đến tuổi thành niên, chị L1 không không yêu cầu anh L2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số: 133/TB-TLVA ngày 28 tháng 7 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Trần Văn L2, nhưng anh L2 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh L2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L2 vắng mặt không có lý do, chị L1 có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh L2 trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị L1 và anh L2 có 02 người con chung tên Trần Ý G1, sinh ngày 11/01/2012 và Trần Kim G2, sinh ngày 21/3/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị L1 và tại các văn bản ghi nhận ý kiến của các cháu Trần Ý G1 và Trần Kim G2, thì 02 cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị L1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Trần Ý G1 và Trần Kim G2 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, chị L1 không yêu cầu anh L2 cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh L2.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị L1 có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Thị L1 và anh Trần Văn L2 cùng cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị L1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L2 và yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung. Chị L1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị L1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị L1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Thạch Thị L1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Thạch Thị L1 và bị đơn anh Trần Văn L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Chị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L2 vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị Thạch Thị L1 và anh Trần Văn L2.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị L1, sinh năm 1992 và anh Trần Văn L2, sinh năm 1990 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 11 tháng 6 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thạch Thị L1 và anh Trần Văn L2 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Thạch Thị L1, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị L1 và anh L2 hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị L1 và anh L2 không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Chị L1 và anh L2 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị L1 và anh L2 trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L1.

[5] Về con chung: Chị L1 và anh L2 có 02 người con chung tên Trần Ý G1, sinh ngày 11/01/2012 và Trần Kim G2, sinh ngày 21/3/2014. Hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị L1 và tại các văn bản ghi nhận ý kiến của các cháu Trần Ý G1 và Trần Kim G2, thì 02 cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị L1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 cháu Trần Ý G1 và Trần Kim G2 cho chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L1 không yêu cầu anh L2 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; giành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho anh L2 mà không ai được cản trở. Anh L2 không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L1.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Thạch Thị L1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị L1 phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Thị L1 và anh Trần Văn L2 ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Ý G1, sinh ngày 11/01/2012 và Trần Kim G2, sinh ngày 21/3/2014 cho chị Thạch Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh L2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L2 không được lạm dụng việc

thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị L1.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Chị Thạch Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009494 ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Thạch Thị L1 đã nộp xong án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn